TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST Ngày 21-01-2019 V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tạc

2. Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buoân Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà H' Mi Chan Niê - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 796/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2018 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hầu Thị L, sinh năm 1984 - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc D, sinh năm 1982 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Hầu Thị L trình bày: Bà Hầu Thị L kết hôn với ông Lê Quốc D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2007 tại Ủy ban nhân dân

xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ 2015 đến nay. Nguyên nhân là do ông D không lo tu chí làm ăn lo cho vợ con mà của cải trong nhà ông D đều mang đi bán lấy tiền ăn chơi tiêu xài. Nay bà L nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên bà L xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng bà L có 02 con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Lê Thị Dân A, sinh ngày 13/5/2009. Khi ly hôn bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà L đang làm nghề may và phân loại nhôm nhựa, thu nhập trung bình từ 4.000.000 đồng – 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quốc D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự còn bị đơn chấp hành không tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L, cho bà L được ly hôn ông D và giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về cấp dưỡng bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Quốc D đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Hầu Thị L và ông Lê Quốc D tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 26/10/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà L – ông D xảy ra mâu thuẫn, theo chính quyền địa phương cho biết nguyên nhân do quan điểm bất đồng, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; Còn phía bà L cho rằng ông D không lo tu chí làm ăn lo cho vợ con mà còn phá tán tài sản của gia đình để lo cho bản thân. Về phía ông D mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý hợp lệ nhưng ông D không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L – ông D đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông D của bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà L – ông D có 02 con chung là cháu Lê Quốc T, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Lê Thị Dân A, sinh ngày 13/5/2009. Ông D thường vắng nhà, để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho các cháu, ý kiến của cháu T và A cũng xin được ở với bà L nên cần chấp nhận giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Bà L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết .

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hầu Thị L và ông Lê Quốc D.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu Lê Quốc T, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Lê Thị Dân A, sinh ngày 13/5/2009 cho bà Hầu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Ông Lê Quốc D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở .

3. Về chia tài sản: Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Bà Hầu Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lại thu tiền số: 0008071 ngày 14/9/2018.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.B;
-UBND xã H, Tp.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Dư